

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TRẦN VĂN THANH

Dồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là đồng bằng lớn nhất của nước ta, tuy chỉ chiếm 12% diện tích cả nước, song hiện đang sản xuất trên 50% sản lượng lúa toàn quốc. Điều đó nói lên vai trò của nông nghiệp trong phát triển kinh tế ĐBSCL, cũng như vai trò của ĐBSCL đối với sản xuất nông nghiệp của Việt Nam. Bài viết này xin trình bày một số ý kiến về phát triển nông nghiệp ĐBSCL trong bối cảnh phát triển kinh tế toàn vùng. Các số liệu trong bài được lấy từ các tài liệu đã công bố của Tổng cục thống kê. Thời gian được phân tích là giai đoạn từ 1976-1991, và chủ yếu là từ 1985 đến nay.

1. HIỆN TRẠNG VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐBSCL

Tính từ ngày 30.4.1975 đến nay, chúng ta có thể nhận thấy một số đặc điểm của quá trình phát triển nông nghiệp ĐBSCL sau đây:

1. Trong trồng trọt, ĐBSCL chủ yếu phát triển cây lương thực, trong đó trọng tâm là lúa. Bảng số liệu sau đây cho ta hình dung về diễn biến sử dụng đất cho nông nghiệp của ĐBSCL.

Bảng 1 : Sử dụng đất nông nghiệp ĐBSCL (Đơn vị : ngàn ha)

	1978 - 1980	1985	1989
Diện tích đất nông nghiệp	2.528,3	2441,9	2462
Diện tích đất cây hàng năm	2330	2130	2026,5
Đất cây hàng năm/đất NN (%)	92,1	87,2	82,3
Đất lúa + Mầu	2238,3	1973,8	1848
Đất lúa/đất cây hàng năm (%)	96,1	92,7	91,2

Phần lớn đất nông nghiệp (trên 80%) dành cho cây hàng năm và trên 90% đất cây hàng năm dành cho lúa + mầu, trong đó chủ yếu là lúa. Đến nay khi lúa đã có khả năng đủ tiêu dùng và có xuất khẩu, trong nền sản xuất hàng hóa cần chú ý đến vấn đề đa dạng hóa cây trồng, chú ý đến những loại sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao.

2. Quá trình sản xuất lúa ở ĐBSCL đã phát triển mạnh, đặc biệt trong vòng vài năm gần đây, thể hiện qua:

a. Thâm canh tăng vụ: Qua bảng 1, tuy diện tích đất lúa giảm dần, song nhờ đầu tư thủy lợi và cải tạo đất, diện

tích đất 2 vụ, 3 vụ tăng lên làm diện tích gieo trồng lúa vẫn tăng.

	1980	1989
Diện tích lúa 3 vụ	1%	4%
Diện tích lúa 2 vụ	29%	47%
Diện tích lúa 1 vụ	70%	49%



Diện tích vụ mùa bị thu hẹp chủ yếu nhờ phát triển thủy lợi trên các vùng đất gieo trồng lúa nổi, và đã chuyển từ một vụ lúa nổi sang gieo trồng 2 vụ lúa Đông Xuân và Hè Thu. Vụ Đông Xuân tăng nhanh cả về diện tích, năng suất và sản lượng và do đó từ vị trí thứ yếu trong những năm 1976 - 1980, cho đến nay đã trở thành vụ lúa chính có năng

suất cao và ổn định. Vì vụ Đông Xuân nằm trọn trong mùa khô nên tận dụng được các điều kiện thuận lợi về khí hậu như bức xạ nhiệt, số giờ nắng và nhiệt độ cao, song phải giải quyết việc cung cấp đủ nước ngọt cho cây lúa từ giữa vụ đến cuối vụ. Vụ lúa Hè Thu cũng phát triển trở thành vụ chính song cũng có khó khăn là phải chủ động được nước tưới đầu vụ và chống lũ cuối vụ cũng như khâu phơi sấy lúc thu hoạch.

Như vậy điều quan trọng hàng đầu trong đẩy mạnh sản xuất lúa ĐBSCL là phải phát triển các dự án thủy lợi đảm bảo tăng lượng nước ngọt khả dụng trong mùa kiệt.

Qua bảng 2, chúng ta thấy vai trò hết sức quan trọng của ĐBSCL trong việc sản xuất lúa gạo của Việt Nam, đặc biệt từ 1988 đến nay, sau cơ chế khoán, sản lượng lúa tăng liên tục, vững chắc và đã chiếm trên 50% sản lượng lúa gạo của toàn quốc. Lúa đảm bảo tiêu dùng trong vùng và xuất ra ngoài vùng.

3. ĐBSCL còn là vùng có tiềm năng phát triển chăn nuôi. Tuy nhiên

Hệ số sử dụng đất còn thấp, mới khoảng 1,3 - 1,4 lần. Điều này nói lên tiềm năng khai thác đất gieo trồng của ĐBSCL còn rất lớn. Bên cạnh việc tiếp tục khai hoang, nếu tăng được hệ số sử dụng đất lên 1,7 - 1,8 thì chúng ta đã có thêm gần triệu ha đất gieo trồng.

b. Thay đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu giống làm tăng năng suất lúa: (xem các bảng 2,3). Vụ mùa trong những năm 1976 - 1985 là vụ chủ chốt chiếm vị trí rất quan trọng với diện tích lớn, song năng suất thấp gần đây đã dần dần bị thu hẹp, giống lúa mùa dài ngày năng suất thấp được thay thế bởi giống lúa mùa sớm ngắn ngày năng suất cao.

Bảng 2: Diễn biến diện tích, năng suất, sản lượng lúa cả năm ĐBSCL

	1976	1980	1985	1986	1987	1988	1989	1990	1991
Diện tích (ngàn ha)	2062,6	2296,1	2250,8	2291,4	2206,6	2277,8	2444,7	2580	2791,4
Năng suất (tấn/ha)	2,01	2,307	3,05	3,09	2,92	3,34	3,63	3,67	3,69
Sản lượng (triệu/tấn)	4,665	5,298	6,86	7,084	6,447	7,604	8,883	9,48	10,3
Sản lượng lúa ĐBSCL/ Sản lượng lúa toàn quốc	39,4%	45,5%	43,2%	44,3%	42,7%	44,7%	46,8%	49,3%	53%

Bảng 3: Diễn biến diện tích, năng suất, sản lượng các vụ lúa ĐBSCL

Vụ Đông Xuân					
	1976	1980	1985	1990	1991
Diện tích (ngàn ha)	189	424,5	461,1	752,4	820,5
Năng suất (tấn/ha)	3,28	2,655	4,3	4,82	4,77
Sản lượng (triệu/tấn)	0,620	1,127	1,923	3,63	3,91
Vụ Hè Thu					
Diện tích (ngàn ha)	442	446	581	907,7	1045,9
Năng suất (tấn/ha)	2,612	2,421	3,46	3,53	3,55
Sản lượng (triệu/tấn)	1,154	1,129	3,012	3,207	3,705
Vụ Mùa					
Diện tích (ngàn/ha)	1431,6	1405,7	1208,7	919,9	925
Năng suất (tấn/ha)	2,021	2,165	2,370	2,87	2,9
Sản lượng (triệu/tấn)	2,893	3,043	3,864	3,642	2,686

trong nhiều năm chăn nuôi vẫn chỉ được coi như ngành phụ, thiếu kế hoạch tận dụng nguồn thức ăn cũng như các tài nguyên tự nhiên khác làm tốc độ phát triển chăn nuôi chậm, chưa tương xứng với tiềm năng. Bảng 4 sau đây cho thấy trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp, trồng trọt vẫn luôn luôn chiếm phần lớn từ 77% và tỷ lệ này ngày càng gia tăng theo sự tăng nhanh hơn của ngành trồng trọt.

4. Để đẩy mạnh việc phát triển nông nghiệp đối với ĐBSCL, đầu tiên là phải phát triển thủy lợi để tăng lượng nước ngọt cho mùa khô, chống xâm nhập mặn, chống lũ. Bên cạnh đó các dịch vụ hỗ trợ cần được đảm bảo: đó là việc cung cấp các giống lúa thích hợp với năng suất cao, vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu... đúng lúc, đúng chủng loại, có các biện pháp chuyển giao kỹ thuật mới (khuyến nông) đến nông dân, đảm bảo tín dụng nông thôn. Giải quyết tốt vấn đề bảo quản, chế biến, hạn chế tổn thất sau thu hoạch, đa dạng hóa mặt hàng chế biến. Cần có các chính sách đảm bảo giá cả thị trường tiêu thụ.

Phát triển nông nghiệp ĐBSCL trong thời gian tới cần đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, chú trọng các mặt hàng có thể xuất khẩu có hiệu quả không nhất thiết là lúa gạo. Quá trình phát triển đòi hỏi một sự nghiên cứu khảo sát theo dõi đầy đủ để đảm bảo đó là quá trình phát triển lâu bền, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi

trường.

II. TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐBSCL

Bảng 5 sau đây cho chúng ta thấy diễn biến của tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân sản xuất, và phần đóng góp của nông nghiệp trong các chỉ tiêu này, giai đoạn 1986-1991.

Bảng 4: Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp
(Đơn vị: tỷ đồng, giá 1984)

	1986	1987	1988	1989	1990	1991
Giá trị TSLNN	4418,7	4179	4838	5303,8	5521,8	6008,3
Trong đó: Trồng trọt	3430,9	3223	3723,2	4110,5	4466,1	4843,6
Chăn nuôi	978,8	956	1114,8	1193,3	1055,7	1164,7
Trồng trọt/Giá trị tổng sản lượng NN	77,6%	77,1%	77,7%	77,5%	81%	80,6%

Bảng 5: TSPXH, TNQDSX, GDP và phần NN ĐBSCL giai đoạn 1986-1991
(Đơn vị: tỷ đồng, giá 1989)

	1986	1987	1988	1989	1990	1991
TSPXH	7747,3	7660,1	8764	9450	9795,4	10732,6
trong đó: NN+LN	4710,9	4497,9	5173,7	5710,1	5973,4	6444,9
NN/TSPXH	63%	58,7%	59%	60,4%	61,1%	60%
TNQDSX	4576,9	4600,4	5271,9	5716,7	5950,4	6509
trong đó NN+NL	3297,7	3137,9	3630,9	3996	4171,3	4496,1
NN/TNQDSX	72,1%	68,2%	68,9%	69,9%	70,1%	69,1%
GDP	5390	5423	6238	6851	7155	7922
GDPNN/GDP	64,7%	61,3%	61,8%	62,2%	62,2%	60,7%

Chúng ta có thể nhận thấy cơ cấu TSPXH và TNQDSX, GDP biến động ít, nông nghiệp luôn đóng vai trò quan trọng (70% TNQDSX và khoảng 60% GDP)

Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp khá cao:

Giai đoạn 1986-1991 trung bình 6,4% năm

Giai đoạn 1988-1991 trung bình 7,2% năm

Lý do chính của sự tăng trưởng nhanh này là sự tăng nhanh về sản lượng lương thực, đặc biệt là sản lượng lúa, một thành phần cơ bản của sản lượng nông nghiệp.

Quá trình tăng nhanh sản xuất nông nghiệp không thể duy trì trong một thời gian dài. Về dài hạn, khi khả năng tăng vụ, mở rộng diện tích không còn lớn nữa, thì chỉ trừ những trường hợp có đột biến về khoa học kỹ thuật, nội dung tốc độ tăng trưởng nông nghiệp chỉ còn có thể ở mức 1%-2% khi đó nền kinh tế không thể chỉ dựa vào nông nghiệp mà tăng trưởng nhanh được. Do đó cần có kế hoạch tăng cường đầu tư và tạo ra môi trường, chính sách thích hợp để từng bước đưa ĐBSCL đến phát triển kinh tế toàn diện ♣